

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 1432/KH-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 15 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU ngày 31/10/2022 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU ngày 31/10/2022 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Chương trình số 20); UBND tỉnh Quảng Nam xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong Chương trình số 20 của Tỉnh ủy Quảng Nam để tổ chức thực hiện đạt mục tiêu, định hướng đã đề ra, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho người nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu và nội dung Nghị quyết số 19 - NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian trước mắt và lâu dài; xác định rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cần quan tâm tập trung lãnh chỉ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nội dung Nghị quyết của Trung ương và Chương trình 20 của Tỉnh ủy, mỗi địa phương, đơn vị cần xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị mình; trong quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát các nội dung cơ bản của Chương trình số 20 của Tỉnh ủy Quảng Nam có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; đồng thời, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU: Theo đúng mục tiêu Chương trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Tỉnh ủy Quảng Nam.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội: Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới; tập trung quán triệt sâu sắc quan điểm về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung, tình hình và kết quả thực hiện Chương trình số 20 của Tỉnh ủy Quảng Nam tại các địa phương và đơn vị trong tỉnh; tăng thời lượng, nâng cao chất lượng các chuyên mục, phóng sự, tin, bài, tuyên truyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thông tin kịp thời, đầy đủ các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo; Chương trình đào tạo nghề trong nông nghiệp, nông thôn nhằm nâng cao trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất của nông dân và cư dân nông thôn; đẩy nhanh quá trình chuyển dịch lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn.

Nâng cao chất lượng y tế, trong đó chú trọng nâng cao hiệu quả của y tế cộng đồng cấp xã, cấp huyện đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm và cải thiện chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn, tạo điều kiện cho nông dân và cư dân nông thôn từng bước tiếp cận dịch vụ cao trong y tế. Thực hiện tốt các chính sách dân số và phát triển; chính sách bình đẳng giới, phòng,

chống xâm hại phụ nữ và trẻ em; chính sách bảo hiểm, nâng cao tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

Nâng cao chất lượng văn hóa, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; trong đó, chú trọng xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; bảo tồn và phát huy đa dạng, phong phú về các giá trị văn hóa ở nông thôn; xây dựng và triển khai có hiệu quả các đề án du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái nông thôn.

Triển khai thực hiện tốt Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp phát huy vai trò của mình trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

Chỉ đạo thực hiện hiệu quả các quy chế, quy định về dân chủ cơ sở, bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả các phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”.

3. Phát triển nền nông nghiệp sinh thái theo hướng bền vững, hiện đại

Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Rà soát, cập nhật, điều chỉnh sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được phê duyệt đảm bảo đồng bộ, thống nhất. Phát triển kinh tế nông thôn dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cùng với phát triển nông nghiệp, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh”, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn. Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, làng nghề nông thôn, có chính sách thu hút khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất

là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động thu hút lao động nông thôn. Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn. Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái - nông nghiệp. Đẩy mạnh hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, trang trại, các chủ thể sản xuất OCOP.

Tập trung tham mưu thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát huy thế mạnh, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của tỉnh. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị; thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong từng vùng và giữa các vùng. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng. Cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

+ *Về nông nghiệp*: Tập trung phát triển các cây trồng, con vật nuôi chủ lực, có lợi thế và ổn định để phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu (lúa giống, rau, quả, dược liệu, tôm, bò, lợn, gà, gỗ nguyên liệu...). Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Hình thành các vùng chuyên canh đồng bộ về kết cấu hạ tầng, dịch vụ, phát triển công nghiệp chế biến. Chuyển đổi nhanh và giảm diện tích sản xuất lúa năng suất và hiệu quả thấp, bấp bênh sang phát triển các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái và thị trường.

Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi hữu cơ gắn với đảm bảo bền vững môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm. Phát triển các trang trại, cơ sở chăn nuôi tập trung theo phương pháp công nghiệp, an toàn sinh học. Hình thành và phát triển các trại giống hạt nhân hiện đại. Bố trí quỹ đất dành cho chăn nuôi tập trung ở các vùng xa khu dân cư và mật độ dân số thấp.

+ *Về thủy sản*: Phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên, hiện đại hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả nuôi trồng thủy sản. Phát triển và ổn định vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ, trên biển gắn với phát triển kinh tế biển. Đầu tư nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện khu neo đậu tránh, trú bão, các cảng cá; xúc tiến nhanh hình thành các cơ sở hậu cần nghề cá.

+ *Về lâm nghiệp*: Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đáp ứng mục tiêu về môi trường kết hợp phục vụ du lịch; phát triển, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Nâng cao hiệu quả, chất lượng rừng trồng sản xuất, phát triển trồng rừng gỗ lớn, các vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn bền vững. Phát triển sản xuất lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường rừng. Phát triển và ổn định kinh doanh tín chỉ cac-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua chống mất rừng và suy thoái rừng.

- Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp, các cơ sở giết mổ và sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản thực phẩm; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh về an toàn thực phẩm. Giám sát tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, chất cấm trong chăn nuôi, hóa chất bảo quản, các chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản trước và sau khi thu hoạch, trong quá trình sản xuất, chế biến, lưu thông trên thị trường.

4. Đổi mới, xây dựng, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn

Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác xã; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Xây dựng và phát triển các loại hình hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, khởi nghiệp; hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản; phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; hạn chế phát triển các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch và tình hình thực tế của từng địa phương. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn; nâng cấp hệ thống chợ đáp ứng nhu cầu của người dân. Phát triển công nghiệp nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh. Phát triển công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động ở nông thôn.

Triển khai có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, tuyên truyền, đề xuất ý tưởng sản phẩm từ cộng đồng, tập huấn nâng cao năng lực; tổ chức đánh giá, công nhận các sản phẩm OCOP theo quy định. Đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng thế mạnh của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát triển thương mại điện tử để quảng bá giới thiệu sản phẩm và bán hàng trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử.

Rà soát, tham mưu điều chỉnh hợp lý và triển khai có hiệu quả cơ chế khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Hỗ trợ phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chế biến nông sản đã được cấp quyền sở hữu công nghiệp, sản phẩm đã được bảo hộ ở các quốc gia trên thế giới, đồng thời hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương

hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực, tiềm năng của tỉnh.

5. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn gắn với phát triển các thị trấn, thị tứ

Triển khai có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng nông thôn; tham mưu thực hiện mở rộng hình thức hợp tác công tư để phát triển sản xuất và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn phù hợp với lợi thế, hoàn cảnh và cơ hội phát triển của từng địa phương theo 3 hướng:

+ Các khu vực ven đô: Phát triển nông nghiệp đô thị, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội có chất lượng tiệm cận với đô thị, hình thành các “khu đô thị sinh thái”, từng bước đô thị hóa nông thôn.

+ Các khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh thì xây dựng các vùng chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, có cơ sở hạ tầng vùng trồng, vùng nuôi và khu vực chế biến - dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ kết nối hạ tầng với các thị trường lớn, chợ đầu mối nông sản, khu dịch vụ hậu cần lớn, kết nối với thị trường trong nước và quốc tế. Phát triển các khu dân cư nông thôn theo địa bàn sản xuất, liên kết hài hòa với các đô thị để đảm bảo cung cấp dịch vụ kinh tế - xã hội.

+ Các khu vực nông thôn truyền thống, vùng khó khăn tiếp tục phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề; phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn trên cơ sở bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Phát triển các khu dân cư tập trung có quy mô thích hợp liên kết với đô thị ở các địa phương. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với định hướng một số dự án quan trọng vùng Tây của tỉnh.

6. Rà soát việc xây dựng, bổ sung và triển khai kịp thời cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Phối hợp với các ngành, địa phương tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả các cơ chế, chính sách đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung hợp lý, đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; trong năm 2023, tham mưu điều chỉnh, bổ sung các cơ chế cho giai đoạn 2021-2025, cuối kỳ giai đoạn đánh giá, tổng kết các cơ chế để tiến hành xây dựng các cơ chế phù hợp thực hiện trong giai đoạn 2026-2030. Xây dựng và triển khai các đề án "tích tụ ruộng đất", "chuyển đổi cây trồng trên đất lúa", "đầu tư hạ tầng vùng trồng, vùng nuôi các cây con chủ lực"... Cụ thể hóa và triển khai thực hiện tốt chính sách bảo hiểm đối với sản xuất nông nghiệp cho các loại nông sản chủ lực; chính sách xây dựng nông thôn mới phù hợp đối với vùng ven đô thị, đồng bằng, miền núi, biên giới, hải đảo; các chính sách hỗ trợ thiệt hại đối với nông nghiệp do thiên tai, dịch bệnh.

Tham mưu bố trí ngân sách nhà nước đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở cân đối đảm bảo nhu cầu và hiệu quả đầu tư. Hoàn thiện cơ chế huy động đa dạng nguồn lực của các thành phần kinh tế; thu hút, khuyến khích doanh

ng nghiệp và nông dân đầu tư mạnh vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011-2020.

Giải quyết những tồn tại về đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chấm dứt tình trạng nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đầu tư, tổ chức sản xuất mà khoán trắng cho hộ gia đình, cá nhân.

7. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học chuyển giao phục vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn nhất là các chương trình chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, phát triển sản xuất vùng nông thôn - miền núi; đẩy mạnh hỗ trợ khởi nghiệp, sáng tạo cho tầng lớp thanh niên nông thôn. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất truy suất nguồn gốc, đăng ký mã số, mã vạch để thúc đẩy phát triển thị trường, hướng tới xuất khẩu, thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ xây dựng phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ nhằm đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút và tiếp nhận các đề tài, dự án có hàm lượng khoa học công nghệ cao, ứng dụng trong quản lý, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi.

Tham mưu kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống thú y, bảo vệ thực vật. Đổi mới công tác khuyến nông, kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, thực hiện tốt Kế hoạch xây dựng Tổ khuyến nông cộng đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông.

Thực hiện tốt Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng đổi mới, lấy người lao động làm trung tâm, đào tạo nghề phù hợp và đáp ứng nhu cầu thực tiễn, phục vụ thị trường lao động trong và ngoài nước.

8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Thu hút, xây dựng, triển khai các đề án, dự án sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, tăng trưởng xanh từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển từ các tổ chức chính phủ và phi chính phủ.

Thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng; chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hóa đất, bảo tồn đa dạng sinh học.

Tăng cường quản lý sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước; xử lý nước thải, chất thải rắn tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện bảo vệ chặt chẽ rừng tự nhiên hiện có; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về phá rừng, khai thác gỗ trái phép và phòng cháy chữa cháy

rừng. Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tập trung trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ và đặc dụng, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, các hồ chứa để bảo vệ chặt chẽ những cảnh quan sinh thái, môi trường; đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, trồng cây lâu năm có sinh khối lớn và có tổ thành rừng tự nhiên để nâng cao khả năng hấp thụ các bon, giữ gìn môi trường sinh thái, chống biến đổi khí hậu.

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nâng cao ý thức của nhân dân trong bảo vệ môi trường nông thôn; triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp về bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới, huy động toàn dân thu gom, xử lý triệt để rác thải nông thôn, xây dựng các công trình xử lý nước thải sau biogas tại các khu chăn nuôi tập trung đạt tiêu chuẩn về nước thải trước khi thải ra môi trường.

Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn; đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu.

Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro; nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất, đảm bảo nguyên tắc phát triển hài hoà các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường. Xây dựng kịch bản, phương án để ứng phó, khắc phục kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh... xảy ra.

9. Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia

Xây dựng nông thôn mới phải được tiến hành một cách liên tục, không ngưng nghỉ, chuyển mạnh vào chiều sâu, bền vững; phát huy cao sự chủ động, sáng tạo của người dân; trọng tâm hướng đến nâng cao nhanh đời sống vật chất và tinh thần của người dân; tập trung thực hiện các Chương trình chuyên đề để có sự chuyển biến rõ nét về phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp. Quan tâm đặc biệt cao đến các xã miền núi khó khăn chưa đạt chuẩn nông thôn mới; các xã, huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo duy trì chuẩn và chuyển mạnh sang xây dựng xã, huyện nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu để đảm bảo tính liên tục, với phương châm “xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc”.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước để hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới. Đẩy mạnh việc lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác để đầu tư thực hiện công trình, dự án, hoạt động có cùng mục tiêu, nội dung và được thực hiện trên cùng một địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn thực hiện chương trình MTQG, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương trong việc ưu tiên bố trí, lồng ghép các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Chủ động kêu gọi các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ xây dựng nông thôn mới, nhất là phát huy nguồn lực của người Quảng Nam trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG thông qua việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của chương trình MTQG và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của chương trình MTQG.

Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện. Ưu tiên đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thu mua, kết nối, cung ứng nông sản hiện đại, cơ sở hạ tầng chế biến, thương mại và dịch vụ gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn. Hoàn thiện và cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã khó khăn, đặc thù vùng sâu, vùng xa, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng cấp thôn, bản.

Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng về nước sạch, đặc biệt là các công trình nước sạch tập trung nhằm nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định; khuyến khích các mô hình đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa, có sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa; các mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã vùng biên giới, hải đảo.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số, nhằm xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả ở khu vực nông thôn, góp phần thực hiện thành công cuộc chuyển đổi số quốc gia và hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh.

Xây dựng nông thôn mới gắn với bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị tốt đẹp về văn hóa; nâng cao dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe tốt, thúc đẩy bình đẳng giới, gìn giữ và vun đắp hệ giá trị gia đình Việt Nam; tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh trật tự được giữ vững, nhất là an ninh trật tự xã hội nông thôn. Phát huy nền tảng, sức mạnh toàn dân, tinh thần đoàn kết và vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Thực hiện cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành

pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ).

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào hệ thống tư vấn, dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, khuyến nông và xây dựng nông thôn mới để ưu tiên nguồn lực nhà nước vào bảo vệ sản xuất (thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm, phòng chống thiên tai, bảo hiểm nông nghiệp...) để phòng chống dịch bệnh, quản lý rủi ro.

Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và các cá nhân tham gia hợp tác xã. Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, có kế hoạch giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực chấp hành và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết và chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

(Phân công nhiệm vụ chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của mình. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh thì có văn bản phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn, giải quyết hoặc tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp.

- Phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách chỉ đạo thực hiện công tác này; định kỳ hằng năm (trước ngày 30/11) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan tham mưu huy động, bố trí các nguồn lực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế chính sách để hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

3. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh: Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển

sản xuất kinh doanh; tăng cường thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho các đối tượng có nhu cầu đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Chỉ đạo các Ngân hàng Chính sách xã hội, các Ngân hàng thương mại làm tốt công tác cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn, xử lý nghiêm hoạt động ‘tín dụng đen’.

4. Các cơ quan thông tin truyền thông: Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, các Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, thành phố, Đài truyền thanh cơ sở thường xuyên có chuyên mục tuyên truyền, phổ biến về nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình số 20 của Tỉnh ủy tới toàn thể tầng lớp nhân dân.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan thường trực) chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch này; định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp, chỉ đạo kịp thời.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ngành, các cấp thống nhất nhận thức và hành động để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình số 20 của Tỉnh ủy Quảng Nam./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể;
- Huyện/Thị/Thành ủy;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo, Đài PTTH Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2023\Kế hoạch\03 13 kế hoạch thực hiện Chương trình số 20 của Tỉnh ủy Quảng nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu



Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 20 CỦA TỈNH ỦY QUẢNG NAM

(Kèm theo Kế hoạch số 1432/KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức	Thời gian hoàn thành
I	Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn				
1	Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới; tập trung quán triệt sâu sắc quan điểm về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các cấp ủy Đảng, Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh		Kế hoạch hàng năm	Thường xuyên hàng năm
2	Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung, tình hình và kết quả thực hiện Chương trình số 20 của Tỉnh ủy Quảng Nam tại các địa phương và đơn vị trong tỉnh; tăng thời lượng, nâng cao chất lượng các chuyên mục, phóng sự, tin, bài, tuyên truyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thông tin kịp thời, đầy đủ các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cấp ủy Đảng, Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch hàng năm	Thường xuyên hàng năm
II	Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn				

1	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn về phát triển sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới;	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch hàng năm	Thường xuyên hàng năm
2	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo; Chương trình đào tạo nghề cho lao động trong nông nghiệp, nông thôn.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch hàng năm	Thường xuyên hàng năm
3	Các đề án, kế hoạch nâng cao chất lượng y tế, chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các chính sách dân số và phát triển; chính sách bảo hiểm, nâng cao tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế	Sở Y tế	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
4	- Các đề án, kế hoạch nâng cao chất lượng văn hóa, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; - Các đề án du lịch nông nghiệp, nông thôn với các hình thức trải nghiệm, du lịch sinh thái, cộng đồng nông thôn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
5	Các đề án, kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Ban Dân tộc	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
6	Các chương trình, kế hoạch thực hiện phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ cho nông dân	Hội Nông dân tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025

7	Tham mưu trình duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các đề án thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2023- 2026
III	Phát triển nền nông nghiệp sinh thái theo hướng bền vững, hiện đại				
1	Tập trung tham mưu thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2021- 2025
2	Các đề án, kế hoạch chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2021- 2025
IV	Đổi mới, xây dựng, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn				
1	Các đề án, kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác xã; hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
2	- Các đề án, kế hoạch hỗ trợ phát triển công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản; phát triển các cụm công nghiệp	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025

	phù hợp với quy hoạch và tình hình thực tế của từng địa phương. - Các đề án, kế hoạch phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; nâng cấp hệ thống chợ đáp ứng nhu cầu của người dân.				
3	Rà soát, tham mưu điều chỉnh hợp lý và triển khai có hiệu quả cơ chế khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chương trình mỗi xã một sản phẩm.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Năm 2022- 2025
4	Các đề án, kế hoạch hỗ trợ phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chế biến nông sản đã được cấp quyền sở hữu công nghiệp, sản phẩm đã được bảo hộ ở các quốc gia trên thế giới; hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực, tiềm năng của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
V	Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn gắn với phát triển các thị trấn, thị tứ				
	Các đề án, chương trình phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn; mở rộng hình thức hợp tác công tư để phát triển sản xuất và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn phù hợp với lợi thế, hoàn cảnh và cơ hội phát triển của từng địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Xây dựng, Sở Giao thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, các ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
VI	Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn				

	Sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả các cơ chế, chính sách đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung hợp lý, đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành;	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2023 và giai đoạn 5 năm (2021- 2025)	Năm 2023- 2025
VII	Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn				
1	Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học chuyển giao phục vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn; hỗ trợ xây dựng phát triển doanh nghiệp KH&CN; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất truy suất nguồn gốc, đăng ký mã số, mã vạch để thúc đẩy phát triển thị trường, hướng tới xuất khẩu; Các cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
2	Tham mưu kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống thú y, bảo vệ thực vật; đổi mới công tác khuyến nông.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các đề án trình UBND tỉnh	Năm 2023- 2026
3	Thực hiện tốt Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng đổi mới, lấy người lao động làm trung tâm, đào tạo nghề phù hợp và đáp ứng nhu cầu thực tiễn, phục vụ thị trường lao động trong và ngoài nước.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội	Kế hoạch hàng năm	Năm 2022- 2025
VIII	Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai				

1	- Xây dựng, triển khai các đề án, dự án sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, tăng trưởng xanh từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển từ các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. - Quản lý sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước; xử lý nước thải, chất thải rắn tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành, địa phương	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
2	- Các chương trình, kế hoạch trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ và đặc dụng, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên; chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững; trồng rừng gỗ lớn; chương trình 1 tỷ cây xanh. - Triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp về bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới, thu gom, xử lý triệt để rác thải nông thôn. - Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro; nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất; ứng phó, khắc phục kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh... xảy ra.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/kế hoạch giai đoạn và hằng năm	Năm 2022- 2025
3	Các đề án phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn; đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án trình UBND tỉnh	2023-2024
IX	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				

1	Đề án về cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2025-2026
2	Đề án xây dựng xã nông thôn mới thông minh, thôn nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2025-2026
3	Đề án quy định chính sách hỗ trợ chi phí hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2024-2030 (góp phần thực hiện chỉ tiêu 17.10 về tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng của tiêu chí số 17 về môi trường của xã NTM nâng cao)	Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh)	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2024
4	Cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 (trên cơ sở gộp chung thành 01 cơ chế chính sách trên tất cả các lĩnh vực)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2025-2026